

# CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH THPT CHUYÊN NGOẠI NGỮ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHNN ngày 12 tháng 01 năm 2022)

## THÔNG TIN CHUNG

Số môn thi: 03

### **MÔN THI 1: ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

Thời gian làm bài: 90 phút

Số phần: 02

Tổng số câu hỏi: 60 câu hỏi trắc nghiệm và 01 câu hỏi tự luận

### **MÔN THI 2: ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TOÁN VÀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

Thời gian làm bài: 55 phút

Tổng số câu hỏi: 35 câu hỏi trắc nghiệm

### **MÔN THI 3: ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC VĂN VÀ KHOA HỌC XÃ HỘI**

Thời gian làm bài: 55 phút

Số phần: 02

Tổng số câu hỏi: 20 câu hỏi trắc nghiệm và 02 câu hỏi tự luận

# MÔN THI 1: ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH

Thời gian làm bài: 90 phút

Số phần: 02

Tổng số câu hỏi: 60 câu hỏi trắc nghiệm và 01 câu hỏi tự luận

Phần thi	Nội dung	Mô tả câu hỏi	Số câu hỏi	Kiến thức, kỹ năng được đánh giá
<b>Trắc nghiệm (7 điểm)</b>  <i>Thí sinh chọn một trong 04 phương án A, B, C hoặc D.</i>	<b>Cách phát âm của âm vị trong từ</b>	Mỗi lựa chọn là 01 từ có 01 phần được gạch chân. 03 lựa chọn có phần gạch chân có cách phát âm giống nhau và 01 lựa chọn có phần gạch chân có cách phát âm khác với những lựa chọn còn lại.	04	Khả năng xác định cách phát âm hoặc trường độ của các âm vị nguyên âm hoặc phụ âm trong từ.
	<b>Trọng âm của từ</b>	Mỗi lựa chọn là 01 từ. 03 lựa chọn có vị trí trọng âm giống nhau và 01 lựa chọn có vị trí trọng âm khác với những lựa chọn còn lại.	04	Khả năng xác định trọng âm (chính và phụ) trong đơn vị từ.
	<b>Tìm từ/cụm từ Đồng nghĩa</b>	Mỗi câu hỏi có 01 từ/cụm từ được gạch chân. Tương ứng với phần gạch chân là 04 lựa chọn A, B, C, D trong đó 01 lựa chọn đồng nghĩa với từ/cụm từ được gạch chân.	03	Khả năng hiểu nghĩa và xác định từ/cụm từ đồng nghĩa.
	<b>Tìm từ/cụm từ Trái nghĩa</b>	Mỗi câu hỏi có 01 từ/cụm từ được gạch chân. Tương ứng với phần gạch chân là 04 lựa chọn A, B, C, D, trong đó 01 lựa chọn trái nghĩa với từ/cụm từ được gạch chân.	03	Khả năng hiểu nghĩa và xác định từ/cụm từ trái nghĩa.
	<b>Hoàn thành câu</b>	Mỗi câu hỏi có 01 chỗ trống. Tương ứng với chỗ trống là 04 lựa chọn A, B, C, D để hoàn thành câu.	05	Khả năng hiểu nghĩa và xác định chức năng của từ/cụm từ trong câu.
	<b>Điền từ trong bài đọc</b>	01 bài đọc với 08 chỗ trống được đánh số theo thứ tự. Dưới bài đọc có 08 câu hỏi tương ứng với các chỗ trống đó. Mỗi câu hỏi có 04 lựa chọn A, B, C, D để điền vào chỗ trống tương ứng.	08	Kiến thức về từ vựng, ngữ pháp trong mệnh đề, câu và diễn ngôn.
	<b>Đọc hiểu</b>	01 bài đọc với 08 câu hỏi đánh số theo thứ tự. Mỗi câu hỏi có 04 lựa chọn A, B, C, D.	08	Khả năng đọc văn bản lấy ý chính, xác định cấu trúc, hiểu mục đích, thái độ, quan điểm của tác giả, hiểu thông tin chi tiết, nghĩa của từ và cụm từ, tham chiếu, hàm ngôn, suy diễn qua ngữ cảnh.
	<b>Hoàn thành Hội thoại</b>	Mỗi câu hỏi gồm 01 hội thoại ngắn, trong đó lời nói hoặc lời đáp có 01 chỗ trống. Dưới hội thoại có 04 lựa chọn A, B, C, D để điền vào chỗ trống tương ứng.	05	Kiến thức và khả năng hiểu nghĩa và sử dụng ngôn ngữ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp; kiến thức và khả năng sử dụng những cặp thoại liên kết phổ biến.
	<b>Sắp xếp Hội thoại</b>	Mỗi câu hỏi gồm 01 đoạn hội thoại có các lượt lời bị xáo trộn thứ tự và được đánh dấu bằng chữ cái in thường a, b, c, d, e, f. Dưới hội thoại có 04 lựa chọn A, B, C, D là các cách sắp xếp các lượt lời theo	05	Kiến thức và khả năng hiểu nghĩa và sử dụng ngôn ngữ giao tiếp phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp; khả năng hiểu suy diễn và hàm ngôn phù hợp với ngữ

		trật tự khác nhau. 01 trong 04 lựa chọn A, B, C, D là trật tự đúng của các lượt lời trong hội thoại đã cho.		cảnh giao tiếp.
	<b>Viết lại câu</b>	Mỗi câu hỏi gồm 01 câu hoặc cặp câu đi kèm với 04 lựa chọn A, B, C, D là các cách diễn đạt khác nhau có liên quan đến câu hoặc cặp câu đó. 01 trong 04 lựa chọn đồng nghĩa hoặc cận nghĩa nhất với câu hoặc cặp câu đã cho.	05	Khả năng xác định câu đồng nghĩa hoặc cận nghĩa.
	<b>Kết hợp câu</b>	Mỗi câu hỏi gồm 01 cặp câu đi kèm với 04 lựa chọn A, B, C, D là các cách diễn đạt khác nhau có liên quan đến cặp câu đó. 01 trong 04 lựa chọn A, B, C, D đồng nghĩa hoặc cận nghĩa nhất với cặp câu đã cho.	05	Khả năng hiểu nghĩa các câu đơn lẻ và mối liên hệ ngữ nghĩa giữa chúng; và khả năng kết hợp các câu đơn lẻ sử dụng cấu trúc câu phức và các liên từ phù hợp.
	<b>Hoàn thành văn bản</b>	Một văn bản có 05 chỗ trống. Dưới văn bản có 05 câu hỏi tương ứng với các chỗ trống. Mỗi câu hỏi gồm 04 lựa chọn A, B, C, D để điền vào chỗ trống.	05	Khả năng hiểu nghĩa diễn ngôn hoặc văn bản; kiến thức về cách phát triển ý trong một văn bản.
<b>Tự luận (3 điểm)</b>	<b>Viết văn bản dài</b>	Thí sinh viết một văn bản khoảng 250 từ trình bày ý kiến, thảo luận, tranh luận về một chủ đề cho sẵn.	01	Khả năng viết một văn bản trình bày ý kiến hay thông tin một cách trọn vẹn.

## CÁC NGOẠI NGỮ KHÁC

Thời gian làm bài: 90 phút

Số phần: 02

Tổng số câu hỏi: 60 câu hỏi trắc nghiệm và 01 câu hỏi tự luận

Phần thi	Nội dung	Mô tả câu hỏi	Số câu hỏi	Kiến thức, kỹ năng được đánh giá
<b>Trắc nghiệm</b> (7 điểm) <i>Thí sinh chọn một trong 04 phương án A, B, C hoặc D.</i>	<b>Từ vựng – Ngữ pháp</b>	Mỗi câu hỏi có 01 chỗ trống/phần gạch chân. Tương ứng với chỗ trống/phần gạch chân là 04 lựa chọn A, B, C, D.	25	Kiến thức về từ vựng, ngữ pháp: mạo từ, giới từ, từ đồng nghĩa, trái nghĩa, chức năng của từ trong câu,...
	<b>Điền từ</b>	01 hoặc 02 bài đọc với 10 chỗ trống. Mỗi câu hỏi có 04 lựa chọn A, B, C, D để điền vào chỗ trống tương ứng.	10	Kiến thức về từ vựng, ngữ pháp trong mệnh đề, câu và diễn ngôn.
	<b>Độc hiểu</b>	01 hoặc 02 bài đọc có 10 câu hỏi. Mỗi câu hỏi có 04 lựa chọn A, B, C, D.	10	Khả năng đọc văn bản lấy ý chính, xác định cấu trúc, hiểu mục đích, thái độ, quan điểm của tác giả, hiểu thông tin chi tiết, nghĩa của từ và cụm từ, tham chiếu, hàm ngôn, suy diễn qua ngữ cảnh,...
	<b>Hoàn thành Hội thoại</b>	Mỗi câu hỏi gồm 01 hội thoại ngắn, trong đó lời nói hoặc lời đáp có 01 chỗ trống. Dưới hội thoại có 04 lựa chọn A, B, C, D để điền vào chỗ trống tương ứng.	05	Kiến thức và khả năng hiểu nghĩa và sử dụng ngôn ngữ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp; kiến thức và khả năng sử dụng những cặp thoại liên kết phổ biến.
	<b>Viết lại câu</b>	Mỗi câu hỏi gồm 01 câu hoặc cặp câu đi kèm với 04 lựa chọn A, B, C, D là các cách diễn đạt khác nhau có liên quan đến câu hoặc cặp câu đó. 01 trong 04 lựa chọn đồng nghĩa hoặc cận nghĩa nhất với câu hoặc cặp câu đã cho.	05	Khả năng xác định câu đồng nghĩa hoặc cận nghĩa.
	<b>Kết hợp câu</b>	Mỗi câu hỏi gồm 01 cặp câu đi kèm với 04 lựa chọn A, B, C, D là các cách diễn đạt khác nhau có liên quan đến cặp câu đó. 01 trong 04 lựa chọn đồng nghĩa hoặc cận nghĩa nhất với cặp câu đã cho.	05	Khả năng hiểu nghĩa các câu đơn lẻ và mối liên hệ ngữ nghĩa giữa chúng; khả năng kết hợp các câu đơn lẻ sử dụng cấu trúc câu phức và các liên từ phù hợp.
<b>Tự luận</b> (3 điểm)	<b>Viết văn bản dài</b>	Thí sinh viết một văn bản trình bày ý kiến, thảo luận, tranh luận về một chủ đề cho sẵn.	01	Khả năng viết một văn bản về một chủ đề cho sẵn, trình bày ý kiến hay thông tin một cách trọn vẹn.

## MÔN THI 2: ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TOÁN VÀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Thời gian làm bài: 55 phút

Tổng số câu hỏi: 35 câu hỏi trắc nghiệm

Phần thi	Nội dung	Mô tả câu hỏi	Số câu hỏi	Kiến thức, kỹ năng được đánh giá
<b>Trắc nghiệm (10 điểm)</b> <i>Thí sinh chọn một trong 04 phương án A, B, C hoặc D.</i>	<b>Toán - Đại số</b>	Mỗi câu hỏi gồm phần mô tả một vấn đề đại số trong chương trình môn Toán bậc Trung học Cơ sở. Phần yêu cầu tính toán kèm theo 04 lựa chọn A, B, C, D.	17	Năng lực giải quyết các vấn đề đại số đã học trong chương trình môn Toán bậc Trung học Cơ sở.
	<b>Toán - Hình học</b>	Mỗi câu hỏi gồm phần mô tả một vấn đề hình học trong chương trình môn Toán bậc Trung học Cơ sở. Phần yêu cầu tính toán kèm theo 04 lựa chọn A, B, C, D.	08	Năng lực giải quyết các vấn đề hình học đã học trong chương trình môn Toán bậc Trung học Cơ sở.
	<b>Các môn Khoa học tự nhiên khác</b>	Mỗi câu hỏi nêu một vấn đề, có thể bao gồm 01 phần mô tả ngắn về một tình huống gắn với thực tế cuộc sống, và 01 phần yêu cầu thí sinh khai thác dữ kiện từ phần mô tả (nếu có), vận dụng kiến thức cơ bản đã học trong chương trình các môn khoa học tự nhiên, các hiểu biết thường thức liên quan đến khoa học tự nhiên và năng lực tư duy để tìm đáp án đúng. Phần yêu cầu đề bài kèm theo 04 lựa chọn A, B, C, D.	10	Kiến thức và kỹ năng đã học về khoa học tự nhiên, các hiểu biết thường thức liên quan đến khoa học tự nhiên; Năng lực tư duy; Năng lực giải quyết vấn đề.

### MÔN THI 3: ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC VĂN VÀ KHOA HỌC XÃ HỘI

Thời gian làm bài: 55 phút

Số phần: 02

Tổng số câu hỏi: 20 câu hỏi trắc nghiệm và 02 câu hỏi tự luận

Phần thi	Nội dung	Mô tả câu hỏi	Số câu hỏi	Kiến thức, kỹ năng được đánh giá
<b>Trắc nghiệm (5 điểm)</b> <i>Thí sinh chọn một trong 04 phương án A, B, C hoặc D.</i>	<b>Tiếng Việt</b>	Mỗi câu hỏi sử dụng ngữ liệu là (các) câu văn, câu thơ, hoặc (các) đoạn văn, đoạn thơ ngắn, hoặc (các) thành ngữ, tục ngữ ngắn. Thí sinh khai thác ngữ liệu đã cho, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học, năng lực tư duy để tìm đáp án đúng. Phần yêu cầu đề bài kèm theo 04 lựa chọn A, B, C, D.	07	Năng lực vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học về tiếng Việt trong chương trình môn Ngữ Văn bậc Trung học Cơ sở; năng lực tư duy; năng lực giải quyết vấn đề.
	<b>Đọc hiểu văn bản nhật dụng</b>	Phần này sử dụng 02 đoạn trích từ 02 văn bản nhật dụng làm ngữ liệu. Mỗi đoạn trích được sử dụng làm ngữ liệu cho 02-03 câu hỏi liên tiếp. Thí sinh khai thác ngữ liệu đã cho, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học, năng lực tư duy và năng lực giải quyết vấn đề để đọc hiểu văn bản và tìm đáp án đúng. Phần yêu cầu đề bài kèm theo 04 lựa chọn A, B, C, D.	05	Năng lực vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học trong chương trình môn Ngữ Văn bậc Trung học Cơ sở để đọc hiểu các văn bản nhật dụng; năng lực tư duy; năng lực giải quyết vấn đề.
	<b>Các môn Khoa học xã hội khác</b>	Mỗi câu hỏi nêu một vấn đề, có thể bao gồm đưa ra mô tả ngắn về một sự vật, hiện tượng, sự kiện, tình huống xã hội, hoặc chuỗi dữ kiện. Thí sinh vận dụng kiến thức cơ bản đã học trong chương trình các môn khoa học xã hội, các hiểu biết thường thức liên quan đến khoa học xã hội, và năng lực tư duy để tìm đáp án đúng. Phần yêu cầu đề bài kèm theo 04 lựa chọn A, B, C, D.	08	Kiến thức và kỹ năng về khoa học xã hội, các hiểu biết thường thức liên quan đến khoa học xã hội; năng lực tư duy; năng lực giải quyết vấn đề.
<b>Tự luận (5 điểm)</b>	<b>Cảm thụ tác phẩm văn học</b>	Phần này sử dụng một đoạn trích từ một tác phẩm thơ và một đoạn trích từ một tác phẩm văn học làm ngữ liệu. Các tác phẩm được sử dụng là các tác phẩm nằm trong chương trình Ngữ văn bậc Trung học Cơ sở hoặc có đặc điểm tương đương với các tác phẩm đã học trong chương trình môn Ngữ văn bậc Trung học Cơ sở. Mỗi đoạn trích được sử dụng làm ngữ liệu cho một câu hỏi mở. Thí sinh khai thác ngữ liệu đã cho để thực hiện các thao tác phân tích, cảm thụ văn học.  - Câu 1: Viết một văn bản có độ dài không quá 100 từ theo yêu cầu đề bài. - Câu 2: Viết một văn bản có độ dài không quá 300 từ theo yêu cầu đề bài.	02	Kiến thức đã học về các tác phẩm văn học trong chương trình môn Ngữ Văn bậc Trung học Cơ sở; năng lực phân tích và cảm thụ văn học; năng lực tư duy; năng lực giải quyết vấn đề.